

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/KDTM-ST
Ngày: 03/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 82/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C; Địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1997; địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/4/2023). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH K; địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1987 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn DD, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (sau đây viết tắt là nguyên đơn) đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C191016405 ngày 23/10/2019 và các Phụ lục đi kèm (sau đây viết tắt là Hợp đồng thuê) với Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là bị đơn). Cụ thể như sau:

Tài sản Công ty K thuê tài chính là: Chuyển sơn treo, Chuyển phơi, Phòng sơn, Xe nâng TCM FD25Z5, Máy hơi Fusheng SA-37A, Máy hơi Fusheng FR050AP, Máy hơi Lode Star LD-3, Máy nhám băng đứng MM2615, Máy Ripsaw Heian RS 300, Máy tubi 2 cốt Taiwan, Máy khoan bàn KT12, Máy đánh móng Yow Cherng (sau đây viết tắt là Tài sản thuê).

Thực hiện Hợp đồng thuê nêu trên, nguyên đơn đã ký hợp đồng mua bán số C191016405-PC và Thỏa thuận sửa đổi số C191016405-PC-AMT ngày 23/10/2019 với chính bị đơn để mua Tài sản thuê nêu trên với tổng giá trị là 3.665.000.000 đồng (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng), trong đó bị đơn trả trước 1.466.000.000 đồng và nguyên đơn tài trợ một phần vốn là 2.199.000.000 đồng (chính là giá trị thuê). Ngày 23/10/2019, bị đơn đã được giao và ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 24/10/2019 đến ngày 25/10/2022. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của nguyên đơn cộng với biên độ 3.22%/năm. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 10.5%/năm.

Ngoài ra, để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bị đơn thì nguyên đơn có chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân của ông Lê Văn D ký vào ngày 23/10/2019 cho Hợp đồng thuê nêu trên. Trường hợp Công ty K không thực hiện thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Lê Văn D cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty K.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, bị đơn thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu thanh toán.

Do đó, vào ngày 16/6/2022, nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, theo đó yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 17/6/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 568.053.236 đồng, gồm nợ gốc là 488.686.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng. Ngày 01/7/2022, nguyên đơn đã phát hành Thông báo về việc yêu cầu người bảo lãnh thực

hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê. Tuy nhiên cho đến nay, người bảo lãnh và bị đơn vẫn không phối hợp cùng giải quyết khoản nợ quá hạn hiện có. Nhận thấy, bị đơn vi phạm nghiêm trọng cam kết thanh toán giữa các bên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền 553.412.301 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 468.686.469 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/6/2022 là 79.366.767 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 01/8/2022 là 5.359.065 đồng.

- Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi chậm phát sinh từ ngày 02/8/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH K giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể: 01 chuyên sơn treo; 01 chuyên phơi; 01 Phòng sơn; 01Xe nâng TCM FD 25Z5; 01 máy hơi Fusheng SA-37A; 01 máy hơi Fusheng FR050AP; 01 máy hơi Lode Star LD-3; 01 máy nhám băng đứng MM2615; 01 máy Ripsaw Heian RS 300; 01 máy tubi 2 cốt Taiwan; 01 máy khoan bàn KT 12; 01 máy đánh mòng Yow Cherng.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê trên không đủ bù đắp cho các khoản nợ thì buộc Công ty TNHH K thanh toán tiếp cho đến khi hết các khoản nợ trên.

- Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc người bảo lãnh là ông Lê Văn D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo như nội dung thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 23/10/2019 cho đến khi hết số nợ.

Ngày 19/6/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: “Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH K giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể: 01 chuyên sơn treo; 01 chuyên phơi; 01 Phòng sơn; 01Xe nâng TCM FD 25Z5; 01 máy hơi Fusheng SA-37A; 01 máy hơi Fusheng FR050AP; 01 máy hơi Lode Star LD-3; 01 máy nhám băng đứng MM2615; 01 máy Ripsaw Heian RS 300; 01 máy tubi 2 cốt Taiwan; 01 máy khoan bàn KT 12; 01 máy đánh mòng Yow Cherng”. Không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản thuê.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt tuy nhiên có gửi văn bản trình bày ý kiến có nội dung: Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì vào ngày 24/8/2022, ngày 30/9/2022, ngày 28/11/2022 bị đơn đã thanh toán cho nguyên

đơn số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, nguyên đơn khấu trừ khoản tiền ký cược 366.500.000 đồng vào nợ gốc của bị đơn vào ngày 28/11/2022. Số nợ gốc còn lại của bị đơn là 12.186.469 đồng. Do đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền buộc bị đơn phải thanh toán là: 114.671.360 đồng, gồm: Nợ gốc là 12.186.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 18/06/2022 đến ngày 28/07/2023 là 23.118.124 đồng. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 29/7/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc người bảo lãnh là ông Lê Văn D có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn theo như nội dung thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 23/10/2019 cho đến khi hết số nợ.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính”. Buộc bị đơn Công ty TNHH K phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền là 114.671.360 đồng, gồm: Nợ gốc là 12.186.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 18/06/2022 đến ngày 28/07/2023 là 23.118.124 đồng. Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 29/7/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ hoặc không giao trả tài sản thuê, buộc người bảo lãnh là ông Lê Văn D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo như nội dung thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 23/10/2019 cho đến khi hết số nợ. Đình chỉ yêu cầu “Buộc Công ty TNHH K giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể: 01 chuyên sơn treo; 01 chuyên phơi; 01 Phòng sơn; 01Xe nâng TCM FD 25Z5; 01 máy

hơi Fusheng SA-37A; 01 máy hơi Fusheng FR050AP; 01 máy hơi Lode Star LD-3; 01 máy nhám băng đứng MM2615; 01 máy Ripsaw Heian RS 300; 01 máy tubi 2 cốt Taiwan; 01 máy khoan bàn KT 12; 01 máy đánh mộng Yow Cherng” của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn giao trả tài sản thuê gồm: 01 chuyen sơn treo; 01 chuyen phoi; 01 Phòng sơn; 01Xe nâng TCM FD 25Z5; 01 máy hơi Fusheng SA-37A; 01 máy hơi Fusheng FR050AP; 01 máy hơi Lode Star LD-3; 01 máy nhám băng đứng MM2615; 01 máy Ripsaw Heian RS 300; 01 máy tubi 2 cốt Taiwan; 01 máy khoan bàn KT 12; 01 máy đánh mộng Yow Cherng để thu hồi nợ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Ngày 23/10/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C191016405. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn thuê tài sản gồm: 01 chuyen sơn treo, 01 chuyen phoi, 01 Phòng sơn, 01Xe nâng TCM FD 25Z5, 01 máy hơi Fusheng SA-37A, 01 máy hơi Fusheng FR050AP, 01 máy hơi Lode Star LD-3, 01 máy nhám băng đứng MM2615, 01 máy Ripsaw Heian RS 300, 01 máy tubi 2 cốt Taiwan, 01 máy khoan bàn KT 12, 01 máy đánh mộng Yow Cherng. Các tài sản này xác định bởi Hợp đồng mua bán số: C191016405-PC ngày C191016405 ký giữa Bên bán là bị đơn và Bên mua là nguyên đơn. Ngày 23/10/2019, ông Lê Văn D ký Thư bảo

lãnh cá nhân cam kết trường hợp bị đơn không thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì ông D sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay. Ngày 24/10/2019, bị đơn ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê. Ngày 25/10/2019, nguyên đơn và bị đơn ký thông báo bắt đầu thuê.

[2.2] Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 24/10/2019 đến ngày 25/10/2022. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, bị đơn đã không thanh toán tiền thuê đúng hạn. Việc chậm thanh toán của bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản quy định trong Hợp đồng thuê. Theo quy định tại Mục 26.2 Điều 26 của Hợp đồng thuê thì hợp đồng thuê chấm dứt trước hạn khi Bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và các khoản tiền khác quy định trong Hợp đồng thuê trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm đến hạn. Do đó, ngày 16/6/2022, nguyên đơn ra Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê là 568.053.236 đồng, gồm nợ gốc là 488.686.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng. Xét thấy, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Do đó, việc nguyên đơn chấm dứt Hợp đồng thuê và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi khi bị đơn đã không thanh toán tiền thuê đúng hạn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 553.412.301 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 488.686.469 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/6/2022 là 79.366.767 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 01/8/2022 là 5.359.065 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 24/8/2022, ngày 30/9/2022, ngày 28/11/2022 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn khấu trừ khoản tiền ký cược 366.500.000 đồng vào nợ gốc của bị đơn vào ngày 28/11/2022. Số nợ gốc còn lại của bị đơn là 12.186.469 đồng. Do đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền buộc bị đơn phải thanh toán là: 114.671.360 đồng, gồm: Nợ gốc là 12.186.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 18/06/2022 đến ngày 28/07/2023 là 23.118.124 đồng. Theo Mục 26.3.1 Điều 26 của Hợp đồng thuê và Điểm c Khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là: 12.186.469 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 17/06/2022 là 79.366.767 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 18/06/2022 đến ngày 28/07/2023 là 23.118.124 đồng; tiền lãi còn được tính từ ngày 28/7/2023 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2.4] Xét thư bảo lãnh thanh toán cùng ký ngày 23/10/2019 của cá nhân ông Lê Văn D có nội dung: “*Bằng thư này, Bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp Bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê vì*

bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của Bên cho thuê mà Bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo Hợp đồng thuê...". Nội dung bảo lãnh là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 342 của Bộ luật Dân sự. Ngày 01/7/2022, Công ty C đã phát hành Thông báo yêu cầu ông Lê Văn D là người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng cho đến nay, nguyên đơn vẫn không thu hồi được khoản tiền cần phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết số nợ cho nguyên đơn thì ông D phải chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền bị đơn phải thanh toán theo như nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23/10/2019 cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu số tiền 6.000.000 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 335, 342, 351 của Bộ luật dân sự;
- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C với bị đơn Công ty TNHH K về việc yêu cầu “Buộc Công ty TNHH K giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể: 01 chuyên sơn treo; 01 chuyên phơi; 01 Phòng sơn; 01Xe nâng TCM FD 25Z5; 01 máy hơi Fusheng SA-37A; 01 máy hơi Fusheng FR050AP; 01 máy hơi Lode Star LD-3; 01 máy nhám băng đứng MM2615; 01 máy Ripsaw Heian RS 300; 01 máy tubi 2 cốt Taiwan; 01 máy khoan bàn KT 12; 01 máy đánh móng Yow Cherng”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C với bị đơn Công ty TNHH K về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

- Buộc Công ty TNHH K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C191016405 ngày 23/10/2019 với số tiền là: 114.467.360 đồng (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng), gồm: Nợ gốc là 12.186.469 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê ngày 17/06/2022 là 79.366.767 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 18/06/2022 đến ngày 28/07/2023 là 23.118.124 đồng.

- Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 29/07/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số C191016405 ngày 23/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì ông Lê Văn D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo như nội dung Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23/10/2019 cho đến khi hết số tiền còn nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH K phải nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH K phải chịu 5.733.568 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

- Trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 13.068.246 đồng (Mười ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006334 ngày 12/0/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan